

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **155/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 27/5/2025
V/v “*Tranh chấp HNGĐ về ly hôn
và nuôi con chung*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Min.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Văn Thảo và ông Võ Văn Thanh.

Thư ký Tòa án: Ông Phan Văn Quốc.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Đoàn Trang.

Ngày 27 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 366/2024/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 12 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/QĐXX-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1990; địa chỉ tổ 1, khu phố N, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam.

-*Bị đơn:* Bà Phạm Thị Thu T, sinh năm 1990; địa chỉ tổ 7, thôn B, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ông Nguyễn Hữu Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Bà Phạm Thị Thu T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Phạm Thị Thu T kết hôn năm 2016 có đăng ký tại UBND phường Đ. Sau khi kết hôn một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do trong quá trình chung sống hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, hiện nay đã sống ly thân. Ông Q nhận thấy tình cảm không còn, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn bà Phạm Thị Thu T.

Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/4/2017 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/11/2018. Ông Q có nguyện vọng giao các con chung

cho bà T nuôi dưỡng. Ông Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 2.000.000đ.

Về tài sản chung: Ông Q không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Ý kiến bị đơn:

Bà Phạm Thị Thu T thống nhất về thời gian và điều kiện kết hôn như ông Nguyễn Hữu Q đã trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông Q thường xuyên có hành vi bạo lực, đánh đập bà T, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân nhau và không còn tình cảm nên bà T thống nhất ly hôn.

Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/4/2017 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/11/2018. Bà T có nguyện vọng nuôi các con chung và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000đ.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

- Ý kiến của Kiểm sát viên:

TAND huyện T thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án thực hiện các thủ tục tố tụng, xác định tư cách tố tụng theo đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử, việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu được đảm bảo. Hội đồng xét xử thực hiện các hoạt động tố tụng tại phiên tòa theo đúng quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật khi tham gia tố tụng. Bị đơn không chấp hành pháp luật khi tham gia tố tụng, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử cho ông Q ly hôn với bà T; giao 02 con chung cho bà T nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Hữu Q có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Quốc

Bị đơn bà Phạm Thị Thu T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Nguyễn Hữu Q và bà Phạm Thị Thu T kết hôn tự nguyện và có đăng ký tại UBND phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam nên hôn nhân của vợ chồng là hợp pháp. Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do hai bên không hợp nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau, hiện nay đã sống ly thân. Do vậy có căn cứ để xác định trong thời kỳ hôn nhân, ông Q và bà T

đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Q, cho ông Q ly hôn bà T.

[3] Về con chung:

Ông Q và bà T có 02 con chung là Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/4/2017 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/11/2018. Vợ chồng thoả thuận giao các con cho bà T nuôi dưỡng. Xét thấy sự thoả thuận của vợ chồng là tự nguyện, phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Đối với yêu cầu của bà T về cấp dưỡng nuôi con:

-Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định “Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Do vậy, yêu cầu của bà T về việc buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được chấp nhận.

-Về mức cấp dưỡng: Yêu cầu của bà T về mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ/ cháu là không cao so với mức sống bình thường tại địa phương. Tuy nhiên, hiện tại mức thu nhập hàng tháng của ông Nguyễn Hữu Q là 6.000.000đ/ tháng theo xác nhận của Công ty TNHH dệt may Việt Thắng Lợi nơi ông Q làm việc. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc ông Q cấp dưỡng nuôi con với mức 1.500.000đ/ cháu/ tháng là phù hợp với khả năng kinh tế của ông Q và đảm bảo một phần chi phí nuôi dưỡng các con chung.

[4] Về tài sản chung: Ông Q và bà T không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[5] Về nợ chung: Ông Q và bà T khai không có nợ chung nên không xét.

[6] Án phí: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hữu Q, cho ông Nguyễn Hữu Q ly hôn bà Phạm Thị Thu T.

[2] Về con chung:

- Giao con chung Nguyễn Hữu T, sinh ngày 11/4/2017 và Nguyễn Duy P, sinh ngày 19/11/2018 cho bà Phạm Thị Thu T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến tuổi trưởng thành.

- Ông Nguyễn Hữu Q có quyền thăm con, không ai được cản trở.

-Buộc ông Nguyễn Hữu Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung với mức mỗi tháng 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng) cho một cháu. Phương thức

cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 06/2025 cho đến khi cháu Nguyễn Hữu T và Nguyễn Duy P đủ 18 tuổi.

Trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì ông Nguyễn Hữu Q phải chịu lãi chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí: Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm gồm các khoản:

-Án phí sơ thẩm dân sự về ly hôn: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*) ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0008907 ngày 25/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

-Án phí sơ thẩm dân sự về cấp dưỡng nuôi con: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng y*).

[4] Về quyền kháng cáo: ông Nguyễn Hữu Q và bà Phạm Thị Thu T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các cơ quan tiến hành tố tụng.
- TAND tỉnh Quảng Nam.
- Những người tham gia tố tụng.
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Công Min